

CƠ HỘI, THÁCH THỨC TỪ CAM KẾT CẮT GIẢM THUẾ QUAN TRONG HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP) ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Nghiêm Thị Ngoan, Phạm Bá Nam, Nguyễn Thị Ngọc, Tô Minh Hiếu, Đào Minh Phương

Viện Dầu khí Việt Nam

Email: ngoannt@vpi.pvn.vn

<https://doi.org/10.47800/PVJ.2021.02-05>

Tóm tắt

Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership - RCEP) được ký kết ngày 15/11/2020, sau 8 năm đàm phán, là Hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreement - FTA) lớn nhất thế giới với sự tham gia của 10 nước thành viên ASEAN và 5 quốc gia gồm: Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và New Zealand. Đến cuối lộ trình, giai đoạn năm 2035 - 2040, Việt Nam sẽ xóa bỏ thuế quan với khoảng 85,6 - 89,6% số dòng thuế với các nước đối tác và các nước đối tác xóa bỏ thuế quan cho Việt Nam trong khoảng 90,7 - 92% số dòng thuế. Bài báo so sánh thuế nhập khẩu của Việt Nam và thuế nhập khẩu của các nước (trong RCEP) từ Việt Nam và so sánh với biểu thuế của các FTA mà Việt Nam đã tham gia trực tiếp hoặc thông qua ASEAN đối với các sản phẩm chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và các đơn vị thành viên gồm: xăng dầu, LPG, polypropylene (PP), urea, NPK, xơ, sợi. Từ đó, nhận diện cơ hội và thách thức trong hoạt động kinh doanh các sản phẩm này khi tham gia vào Hiệp định RCEP.

Từ khóa: RCEP, FTA, cơ hội, thách thức.

1. Giới thiệu

FTA là thỏa thuận giữa 2 hay nhiều nước thành viên nhằm loại bỏ các rào cản thuế quan, pháp luật đối với phần lớn hoạt động thương mại giữa các thành viên với nhau, với mục tiêu chung là tự do hóa thương mại, phát triển nền kinh tế các quốc gia. Tính đến ngày 15/11/2020, Việt Nam đã tham gia 16 FTA song phương và đa phương, trong đó 13 FTA đang có hiệu lực, 1 FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực (RCEP) và 2 FTA đang trong quá trình đàm phán (FTA VN-EFTA và FTA VN-Israel). Các FTA này do Việt Nam trực tiếp hoặc thông qua ASEAN để ký kết với các nước tham gia RCEP.

Đối với mỗi mã sản phẩm, có thể có các mức thuế khác nhau theo các FTA khác nhau. Doanh nghiệp có quyền chọn áp dụng theo FTA nếu FTA cho các điều kiện thuận lợi hơn điều kiện nêu trong chính sách hiện hành của Chính phủ; hoặc nếu liên quan đến nhiều FTA thì doanh nghiệp được chọn theo FTA nào có lợi nhất.

Để nhận diện được các cơ hội, thách thức từ cam kết cắt giảm thuế quan của RCEP đối với hoạt động kinh doanh các sản phẩm chính của PVN và các đơn vị thành viên, nhóm tác giả đã rà soát thuế nhập khẩu các sản phẩm của Việt Nam, thuế nhập khẩu của các nước (trong RCEP) từ Việt Nam và so sánh với biểu thuế của các FTA khác (Hình 1) đã có hiệu lực (Bảng 1 - 7).

Thuế nhập khẩu LPG từ Việt Nam (2711): 0% tương tự các FTA khác, trừ Myanmar (thuế nhập khẩu của Myanmar từ Việt Nam theo RCEP là 1% cao hơn các FTA khác).

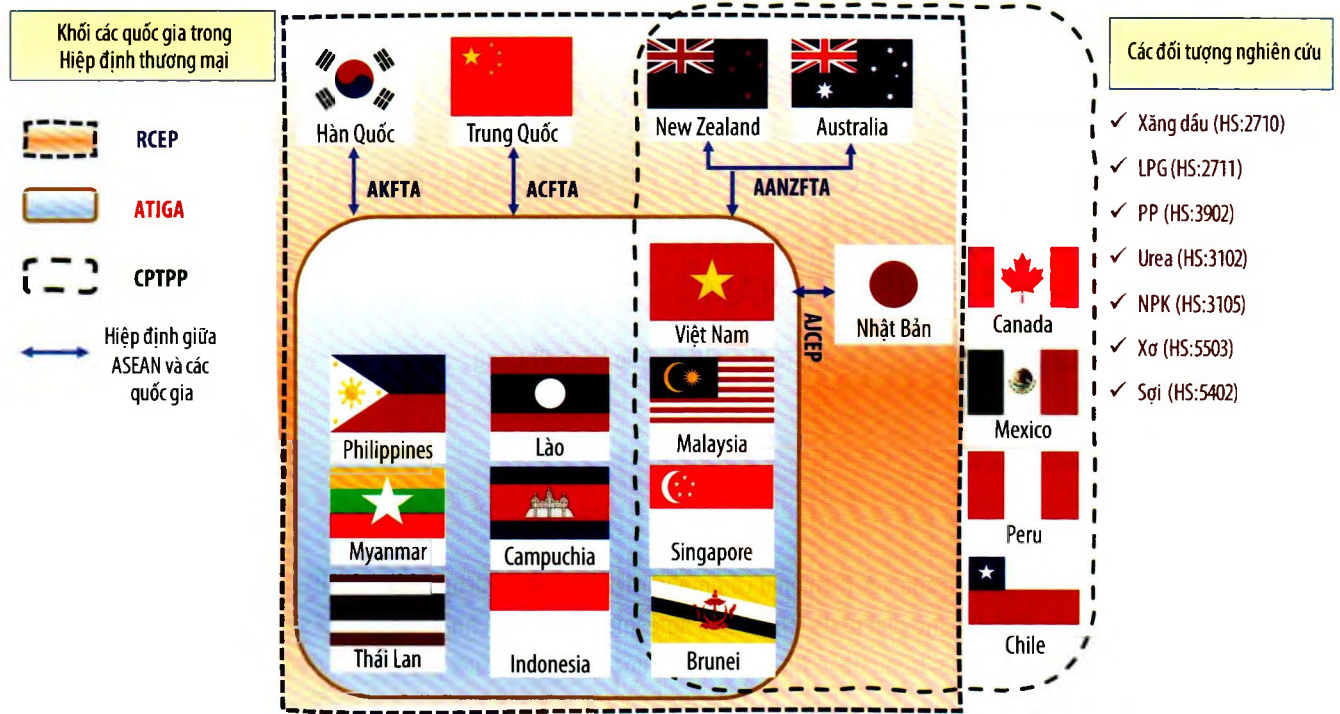
(PVN hiện nay mới sản xuất DTY 5402.33 và POY 5402.46; chưa sản xuất FDY 5402.47 VNPoly).

2. Cơ hội và thách thức của Việt Nam

Về thị trường xuất nhập khẩu các sản phẩm, trong năm 2019 - 2020, Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu xăng, DO, polypropylene lớn nhất của Việt Nam (với cơ cấu lần lượt là 75%, 30% và 24%); trong khi Việt Nam xuất khẩu xăng và DO chủ yếu sang Cambodia



Ngày nhận bài: 17/12/2020. Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 18/12/2020 - 23/1/2021.
Ngày bài báo được duyệt đăng: 2/2/2021.



Hình 1. Các FTA với các nước tham gia RCEP

Bảng 1. Thuế nhập khẩu các sản phẩm của Việt Nam theo RCEP và so sánh với các FTA khác [1 - 36]

Mã HS	Sản phẩm	Thuế nhập khẩu của Việt Nam theo RCEP
2503	Lưu huỳnh (trừ lưu huỳnh trắng hoa)	0% tương tự các FTA khác
2710	Xăng dầu	Không áp dụng
2711	LPG	Không áp dụng
2802	Lưu huỳnh trắng hoa	0% tương tự các FTA khác
2905	MEG, methanol	0% tương tự các FTA khác
2917	PTA	0% tương tự các FTA khác
3102	SA, urea	<ul style="list-style-type: none"> • SA: 0% tương tự các FTA khác • Urea: RCEP: theo lộ trình 2,8%; 2,6%; 2,4% trong giai đoạn 2021 - 2023 → cao hơn các FTA khác (0%), thấp hơn ACFTA (5% từ 2020 - 2022, về 0% từ 2023) → RCEP có hiệu lực, thuế nhập khẩu urea từ Trung Quốc giảm từ 5% theo ACFTA về 2,8% theo RCEP
3104	Kali	0% tương tự các FTA khác
3105	NPK	RCEP: theo lộ trình 5,4%; 4,8%; 4,2% trong giai đoạn 2021 - 2023 → đến năm 2023 cao hơn các FTA khác (0%) VKFTA: theo lộ trình 5%, 5%, 0% trong giai đoạn 2021 - 2023 AKFTA: theo lộ trình 5%, 5%, 0% trong giai đoạn 2021 - 2023 VCFTA: theo lộ trình 3%, 3%, 0% trong giai đoạn 2021 - 2023 Các FTA khác: 0%
3901	PE	0% tương tự các FTA khác
3902	PP	0% tương tự các FTA khác
3903	PS	0% tương tự các FTA khác
5503	Xơ sợi	0% tương tự các FTA khác
5402		

(lần lượt 60% và 83%), xuất khẩu polypropylene sang Trung Quốc (66%).

Với FO, Singapore và Malaysia là 2 thị trường xuất khẩu và nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam (nhập khẩu từ

Malaysia 50% và Singapore 49%) xuất khẩu sang Malaysia 45% và Singapore 42%.

Với JET, LPG, xơ, sợi, NPK, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu quan trọng nhất của nước ta. Cụ thể, Việt Nam

Bảng 2. Thuế nhập khẩu xăng dầu của các nước từ Việt Nam theo RCEP [5 - 10], so sánh với các FTA khác [1 - 36]

Quốc gia	Thuế nhập khẩu xăng dầu (2710) từ Việt Nam theo RCEP	Ghi chú
Australia	0%	Tương tự AANZFTA, CPTPP
Brunei	0%	Tương tự AANZFTA, CPTPP
Cambodia	Xăng RON 90 đến RON 97: Không áp dụng DO, JET, FO: 15% + 0,02 USD/lít, sau đó giảm dần về 1,5% + 0,02 USD/lít năm 2039	DO, JET cao hơn ATIGA (10%) FO cao hơn ATIGA (0%)
Korea	JET: 0% Xăng, DO, thuế nhập khẩu: 2,9% sau đó giảm dần về 2,3% năm 2030	Tương tự VKFTA, AKFTA Cao hơn VKFTA (0%), thấp hơn AKFTA (5%)
Indonesia	0%	Tương tự AANZFTA, CPTPP
Laos	RON 90 đến RON 97: 15%; JET và DO: 5%	Cao hơn ATIGA (0%)
Malaysia	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Myanmar	1,5%	Cao hơn ATIGA (0%)
Japan	0%	Tương tự CPTPP
Philippines	0%	Tương tự ATIGA
Singapore	Không áp dụng	
Thailand	0%	Tương tự ATIGA
China	DO: 5,7% Các sản phẩm khác: 0%	DO cao hơn ACFTA (5%) Tương tự ACFTA

Bảng 3. Thuế nhập khẩu PP của các nước từ Việt Nam theo RCEP, so sánh với các FTA khác [1 - 36]

Quốc gia	Thuế nhập khẩu PP (3902) từ Việt Nam theo RCEP	Ghi chú
Australia	5%	Cao hơn AANZFTA (0%)
Brunei	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Cambodia	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Korea	5,9%, sau đó giảm dần về 0% năm 2030	Cao hơn VKFTA (0%)
Indonesia	0%	Tương tự ATIGA
Laos	5%, sau đó giảm dần về 2% năm 2030	Cao hơn ATIGA (0%)
Malaysia	PP (3902.10.10): 0% PP copolymer (3902.30.00): 10%	Tương tự CPTPP Cao hơn CPTPP, ATIGA (0%)
Myanmar	2%	Cao hơn ATIGA (0%)
Japan	0%	Tương tự AJCEP, VJFTA
Philippines	10%, giảm dần về 8% năm 2030	Cao hơn ATIGA (0%)
Singapore	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Thailand	0%	Tương tự ATIGA
China	0%	Tương tự ACFTA

(PVN hiện sản xuất PP 3902.10.10; chưa sản xuất PP copolymer 3902.30.00)

Bảng 4. Thuế nhập khẩu urea của các nước từ Việt Nam theo RCEP, so sánh với các FTA khác [1 - 36]

Quốc gia	Thuế nhập khẩu urea (3102) từ Việt Nam theo RCEP	Ghi chú
Australia	0%	Tương tự AANZFTA
Brunei	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Cambodia	0%	Tương tự ATIGA
Korea	1,9%, giảm dần về 0,8% năm 2030	Cao hơn AKFTA, VKFTA (0%)
Indonesia	0%	Tương tự ATIGA
Laos	5%	Cao hơn ATIGA (0%)
Malaysia	0%	Tương tự CPTPP, ATIGA
Myanmar	0%	Tương tự ATIGA
Japan	0%	Tương tự AJCEP, VJFTA
Philippines	0%	Tương tự ATIGA
Singapore	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Thailand	0%	Tương tự ATIGA
China	0%	Tương tự ACFTA

Bảng 5. Thuế nhập khẩu NPK của các nước từ Việt Nam theo RCEP và so sánh với các FTA khác [1 - 36]

Quốc gia	Thuế nhập khẩu NPK (3105) từ Việt Nam theo RCEP	Ghi chú
Australia	0%	Tương tự AANZFTA
Brunei	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Cambodia	0%	Tương tự ATIGA
Korea	5,9%, giảm dần về 0% năm 2030	Cao hơn VKFTA, AKFTA (0%)
Indonesia	0%	Tương tự ATIGA
Laos	0%	Tương tự ATIGA (0%)
Malaysia	0%	Tương tự CPTPP, ATIGA
Myanmar	0%	Tương tự ATIGA
Japan	0%	Tương tự AJCEP, VJFTA
Philippines	0%	Tương tự ATIGA
Singapore	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Thailand	0%	Tương tự ATIGA
China	0%	Tương tự ACFTA

Bảng 6. Thuế nhập khẩu xơ của các nước từ Việt Nam theo RCEP và so sánh với các FTA khác [1 - 36]

Quốc gia	Thuế nhập khẩu xơ (5503) từ Việt Nam theo RCEP	Ghi chú
Australia	0%	Tương tự AANZFTA, CPTPP
Brunei	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Cambodia	0%	Tương tự ATIGA
Korea	5503.20.9010: 0% 5503.20.1000 & 5503.20.9090: 7,5% và giảm dần về 4,8% năm 2025	Tương tự VKFTA, AKFTA Cao hơn VKFTA, AKFTA (0%)
Indonesia	5%	Cao hơn ATIGA (0%)
Laos	0%	Tương tự ATIGA
Malaysia	0%	Tương tự CPTPP, ATIGA
Myanmar	1%	Cao hơn ATIGA (0%)
Japan	0%	Tương tự CPTPP, VJFTA
Philippines	0%	Tương tự ATIGA
Singapore	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Thailand	0%	Tương tự ATIGA
China	4,9% giảm dần về 4,3% năm 2025	Thấp hơn ACFTA (5%)

Bảng 7. Thuế nhập khẩu sợi của các nước từ Việt Nam theo RCEP, so sánh với các FTA khác [1 - 36]

Quốc gia	Thuế nhập khẩu sợi (5402) từ Việt Nam theo RCEP	Ghi chú
Australia	5402.46: 4% giảm dần về 2% năm 2025 5402.33: 0%	Cao hơn AANZFTA (0%) Tương tự AANZFTA
Brunei	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Cambodia	0%	Tương tự ATIGA
Korea	5402.33 (có poly trymethylene telephthalate): 0% 5402.33 (khác): 8% 5402.46 (có poly trymethylene telephthalate): 0% 5402.46 (khác): 7,9%, giảm dần 7,4% năm 2025	Thấp hơn VKFTA (5%) Cao hơn VKFTA (5%) Thấp hơn VKFTA (5%) Cao hơn VKFTA (0%)
Indonesia	5402.33: 4,6%, giảm dần về 3% năm 2025 5402.46: 0%	Cao hơn CPTPP, ATIGA (0%) Tương tự ATIGA
Laos	5402.33: 5% 5402.46: 0%	Cao hơn CPTPP, ATIGA (0%) Tương tự ATIGA
Malaysia	5402.33: 9% giảm dần về 4% năm 2025 5402.46: 0%	Cao hơn CPTPP, ATIGA (0%) Tương tự ATIGA
Myanmar	2%	Cao hơn ATIGA (0%)
Japan	0%	Tương tự CPTPP, VJFTA
Philippines	0%	Tương tự ATIGA
Singapore	0%	Tương tự ATIGA, CPTPP
Thailand	5402.33: 0% 5402.46: 4,5%, giảm dần về 2% năm 2025	Tương tự ATIGA Cao hơn ATIGA (0%)
China	5402.33 (có poly trymethylene telephthalate): 0% 5402.33 (khác): 4,9% giảm dần về 4,3% năm 2025	Tương tự ACFTA Thấp hơn ACFTA (5%)

nhập khẩu từ Trung Quốc 60% JET, 45% LPG, 35% xơ, 66% sợi DTY, 66% sợi POY, 61% NPK. Thị trường xuất khẩu JET chủ yếu là Trung Quốc (90%), LPG là Cambodia (75%), xơ là Mỹ (20%) và Thổ Nhĩ Kỳ (14%), sợi DTY là Thái Lan (33%) và Hàn Quốc (23%), sợi POY là Hàn Quốc (69%), NPK là Cambodia (63%).

Với urea, Việt Nam nhập khẩu phần lớn từ Indonesia (50%) và Malaysia (42%); xuất khẩu sang Cambodia (63%) và Ấn Độ (19%).

2.1. Tác động trực tiếp

Tác động trực tiếp đến từ các cam kết cắt giảm thuế quan, theo đó Việt Nam đã tham gia với các nước ASEAN và 5 nước đối tác trong RCEP theo các hiệp định FTA giữa nội khối ASEAN (ATIGA) và các FTA giữa ASEAN với từng đối tác trong số 5 đối tác trên (ASEAN+1). Theo đó, việc thực hiện RCEP sau khi được thông qua sẽ không tạo ra cú sốc về tăng giảm thuế quan đối với Việt Nam (Bảng 1).

Thách thức: Thuế nhập khẩu các sản phẩm vào Việt Nam từ các quốc gia trong RCEP: cơ bản tương tự các FTA khác, ngoại trừ urea. Thuế nhập khẩu urea từ Trung Quốc giảm từ 5% theo ACFTA về 2,8% theo RCEP là áp lực cạnh tranh cao hơn với các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc trong giai đoạn 2021 - 2022.

Cơ hội: Thuế nhập khẩu các sản phẩm của các quốc gia RCEP từ Việt Nam: Tương tự hoặc cao hơn so với các FTA khác, ngoại trừ:

- Sản phẩm sợi chùng loại mã HS (5402.33.10) Hàn Quốc nhập khẩu từ Việt Nam: thuế nhập khẩu về 0% (thấp hơn VKFTA là 5%). Điều này có thể thuận lợi hơn khi Việt Nam xuất khẩu sản phẩm này sang Hàn Quốc theo RCEP.

- Sản phẩm xơ sợi Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam: thuế nhập khẩu theo RCEP 4,9 - 4,3% thấp hơn ACFTA (5%), có lợi cho hàng xuất khẩu từ Việt Nam tuy nhiên chênh lệch này có khả năng không tạo nên sự khác biệt lớn đối với xuất khẩu.

2.2. Tác động gián tiếp

Cơ hội

- Hiệp định RCEP về cơ bản là thỏa thuận mang tính kết nối các cam kết đã có của ASEAN với 5 đối tác ASEAN trong Hiệp định FTA giúp giảm chi phí giao dịch, đặc biệt là chi phí liên quan đến Quy tắc xuất xứ (Rules of Origin - RoO) và được hưởng môi trường kinh doanh thân thiện hơn nhờ có sự hài hòa các quy trình thủ tục trong các FTA ASEAN. Nhìn chung, RCEP tạo điều kiện cho các doanh

nh nghiệp có môi trường kinh doanh thông thoáng hơn và có nhiều cơ hội mở rộng thị trường. Đặc biệt, việc giảm thuế mặt hàng dệt may sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tăng sản lượng xuất khẩu, đồng thời thúc đẩy nhu cầu xơ sợi theo chuỗi cung ứng.

- Thêm vào đó, hiện nay vẫn còn tồn tại tình trạng các doanh nghiệp trong nước buôn bán theo đường tiểu ngạch với Trung Quốc, trong đó có mặt hàng phân bón, xơ sợi. Do đó, RCEP được kỳ vọng để các doanh nghiệp Việt Nam giảm các hoạt động tiểu ngạch, gia tăng xuất, nhập khẩu chính ngạch, đồng thời nâng cao trình độ sản xuất và chất lượng hàng hóa.

Thách thức

- Việt Nam đã có FTA song phương với Nhật Bản, Hàn Quốc. Tuy nhiên, lợi ích của những ưu đãi này có nguy cơ giảm nếu Trung Quốc cũng được hưởng những ưu đãi tương tự khi RCEP có hiệu lực. Các doanh nghiệp Việt Nam đối mặt với áp lực cạnh tranh mạnh mẽ với Trung Quốc (nước có giá thành sản phẩm thấp, chuỗi cung ứng lớn và lâu đời hơn) trong cung cấp hàng dệt sang Hàn Quốc và hàng may mặc sang Nhật Bản.

- Ngày 11/12/2020, Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng Hàn Quốc Sung Yunmo đã ký thỏa thuận do Chính phủ hai nước ủy quyền về triển khai điều khoản cộng gộp xuất xứ nguyên liệu dệt may giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong EVFTA. Thỏa thuận này giúp doanh nghiệp Việt Nam tận dụng nguồn nguyên liệu dệt may chất lượng cao từ Hàn Quốc để sản xuất, xuất khẩu sang thị trường EU (đây là thị trường có quy mô lớn nhất thế giới về tiêu thụ hàng dệt may với kim ngạch nhập khẩu trị giá hơn 250 tỷ USD/năm; năm 2019, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU mới chỉ đạt 4,3 tỷ USD, chiếm 2% thị phần của thị trường rộng lớn và đầy tiềm năng này). Theo đó, nhiều khả năng các doanh nghiệp dệt may sẽ có xu hướng nhập khẩu nguyên liệu dệt may từ Hàn Quốc làm gia tăng áp lực cạnh tranh đối với sản phẩm VNPoly của PVN.

3. Kết luận

Nhìn chung, tác động RCEP về cam kết cắt giảm thuế quan đến hoạt động kinh doanh một số sản phẩm của PVN là không lớn do phần lớn các sản phẩm có biểu thuế tương đồng với các FTA đã có. Riêng đối với các sản phẩm urea (Nhà máy Đạm Phú Mỹ và Đạm Cà Mau), các sản phẩm nguyên liệu dệt may như xơ, sợi (VNPoly) cần lưu ý nguy cơ gia tăng áp lực cạnh tranh. Kỳ vọng tương lai RCEP sẽ đem lại cho Việt Nam một thị trường tăng trưởng

mạnh mẽ với nhu cầu tiêu dùng lớn từ các đối tác đến từ các nước tham gia RCEP, cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước thông qua các hoạt động hợp tác, chuyển giao công nghệ... và phối hợp hiệu quả giữa Nhà nước và doanh nghiệp sẽ là điều kiện then chốt để các doanh nghiệp tận dụng cơ hội, giảm thiểu rủi ro trong thời gian sắp tới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trung tâm WTO, "Hiệp định ASEAN - Trung Quốc", Biểu cam kết thuế quan Trung Quốc. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/194-asean---trung-quoc/227-noi-dung-hiep-dinh/3.3.3.%20China.pdf>.
- [2] Trung tâm WTO, "Hiệp định ASEAN - Úc/New Zealand", Biểu thuế New Zealand. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/195-asean--/203-noi-dung-hiep-dinh/1.9.%20New-Zealand.pdf>.
- [3] Trung tâm WTO, "Hiệp định ASEAN - Úc/New Zealand", Biểu thuế Úc. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/fta/195-asean---ucnew-zealand/1>.
- [4] Trung tâm WTO, "Hiệp định ASEAN - Úc/New Zealand", Biểu thuế Việt Nam. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/195-asean--/203-noi-dung-hiep-dinh/1.13.%20Vietnam.pdf>.
- [5] Trung tâm WTO, "Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam cho ASEAN. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/file/20135/rcep-schedule-of-viet-nam-for-asean.pdf>.
- [6] Trung tâm WTO, "Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam cho Australia. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/file/20136/rcep-schedule-of-viet-nam-for-australia.pdf>.
- [7] Trung tâm WTO, "Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam cho Hàn Quốc. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/file/20139/rcep-schedule-of-viet-nam-for-korea.pdf>.
- [8] Trung tâm WTO, "Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam cho Nhật Bản. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/file/20138/rcep-schedule-of-viet-nam-for-japan.pdf>.
- [9] Trung tâm WTO, "Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam cho Trung Quốc. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/file/20137/rcep-schedule-of-viet-nam-for-china.pdf>.
- [10] Trung tâm WTO, "Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam cho New Zealand. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/pdfviewer/20140/rcep-schedule-of-viet-nam-for-new-zealand.pdf>.
- [11] Trung tâm WTO, "Hiệp định ASEAN - Trung Quốc", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/194-asean---trung-quoc/227-noi-dung-hiep-dinh/3.3.11.Vietnam.pdf>.
- [12] Trung tâm WTO, "Hiệp định ASEAN - Nhật Bản", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/193-asean---nhat-ban/223-noi-dung-hiep-dinh/Annex1-VietNam.pdf>.
- [13] Trung tâm WTO, "Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA)", Cam kết về thuế quan. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/187-viet-nam---nhat-ban/245-noi-dung-hiep-dinh/annex1.pdf>.
- [14] Trung tâm WTO, "Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/file/19001/VN-Bieu%20Vietnam.pdf>.
- [15] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Brunei. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/191-asean---aec/207-noi-dung-hiep-dinh/Annex-2-Tariff-Schedules-BruneiD-AHTN-2017-Prtcd.pdf>.
- [16] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Cambodia. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/191-asean---aec/207-noi-dung-hiep-dinh/Annex-2-Tariff-Schedules-Cambodia-AHTN-2017-prtcd1.pdf>.
- [17] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Indonesia. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/191-asean---aec/207-noi-dung-hiep-dinh/AFTAC32-Anx-05b-Tariff-Schedules-Indonesia-AHTN-2017-lckd.pdf>.
- [18] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Laos. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/191-asean---aec/207-noi-dung-hiep-dinh/Annex-2-Tariff-Schedules-Lao-PDR-AHTN-2017-Prtcd.pdf>.

[19] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Malaysia. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/191-asean---aec/207-noi-dung-hiep-dinh/Annex-2-Tariff-Schedules-Malaysia-AHTN-2017-Prtcd.pdf>.

[20] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Myanmar. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/191-asean---aec/207-noi-dung-hiep-dinh/Annex-2-Tariff-Schedules-of-ATIGA-Myanmar-AHTN-2017c-endorsed-FINAL.pdf>.

[21] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Philippines. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/7162-hiep-dinh-thuong-mai-hang-hoa-asean-atiga>.

[22] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Singapore. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/191-asean---aec/207-noi-dung-hiep-dinh/Annex-2-Tariff-Schedules-of-ATIGA-Singapore-AHTN-2017-endorsed-FIN.pdf>.

[23] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Thailand. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/191-asean---aec/207-noi-dung-hiep-dinh/Annex-2-Tariff-Schedules-Thailand-AHTN-2017-prtcd.pdf>.

[24] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu (VNEAEU)", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam. [Online]. Available: [https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/188-viet-na/241-noi-dung-hiep-dinh/VN-EAEU%20FTA%20-%20Annex%201%20\(b\),%20Viet%20Nam%20schedule%20-%20Final.pdf](https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/188-viet-na/241-noi-dung-hiep-dinh/VN-EAEU%20FTA%20-%20Annex%201%20(b),%20Viet%20Nam%20schedule%20-%20Final.pdf).

[25] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Chile", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/190-viet-nam---chi-le/233-noi-dung-hiep-dinh/Bieu%20cam%20ket%20thue%20cua%20VN.pdf>.

[26] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Chile (VCFTA)", Biểu cam kết thuế quan Chile. [Online]. Available: [https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/190-viet-nam---chi-le/233-noi-dung-hiep-dinh/Bieu%20cam%20ket%20c%20E1%BB%A7a%20Chile%20\(EN\).pdf](https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/190-viet-nam---chi-le/233-noi-dung-hiep-dinh/Bieu%20cam%20ket%20c%20E1%BB%A7a%20Chile%20(EN).pdf).

[27] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại tự do

Việt Nam - EU (EVFTA)", Biểu cam kết thuế quan của Liên minh châu Âu. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/file/19672/appendix-2a1.pdf>.

[28] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/file/19673/appendix-2a2.pdf>.

[29] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA)", Biểu cam kết thuế quan của Hàn Quốc. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/189-viet-nam---han-quoc/237-noi-dung-hiep-dinh/2a%20Bieu%20thue%20HQ%20tieng%20Viet.pdf>.

[30] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA)", Biểu cam kết thuế quan của Việt Nam. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/189-viet-nam---han-quoc/237-noi-dung-hiep-dinh/2a%20Bieu%20thue%20VN%20tieng%20Viet.pdf>.

[31] Trung tâm WTO, "Trung tâm WTO", [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/fta/174-da-ky-ket/1>.

[32] Trung tâm WTO, "Hiệp định ASEAN - Nhật Bản", Biểu cam kết Nhật Bản. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/193-asean---nhat-ban/223-noi-dung-hiep-dinh/Annex1-Japan.pdf>.

[33] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu (VNEAEU)", Biểu cam kết Liên minh Kinh tế Á - Âu. [Online]. Available: [https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/188-viet-na/241-noi-dung-hiep-dinh/VN-EAEU%20FTA%20-%20Annex%201%20\(e\),%20EAEU%20schedule%20-%2012%20VN%20ver.pdf](https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/188-viet-na/241-noi-dung-hiep-dinh/VN-EAEU%20FTA%20-%20Annex%201%20(e),%20EAEU%20schedule%20-%2012%20VN%20ver.pdf).

[34] Trung tâm WTO, "Hiệp định ASEAN - Hàn Quốc", Biểu thuế Hàn Quốc. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/185-asean---han-quoc/215-noi-dung-hiep-dinh/2.10.%20Korea.pdf>.

[35] Trung tâm WTO, "Hiệp định ASEAN - Hàn Quốc", Biểu cam kết thuế quan Việt Nam. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/185-asean---han-quoc/215-noi-dung-hiep-dinh/2.9.%20Vietnam.pdf>.

[36] Trung tâm WTO, "Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)", Biểu thuế Việt Nam. [Online].

Available: <https://trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/191-asean---aec/207-noi-dung-hiep-dinh/>

Annex%202%20Tariff%20Schedules%20-%20Viet%20Nam%20AHTN%202012%202015-2018.pdf.

OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FROM TARIFF REDUCTION COMMITMENTS WITHIN RCEP FOR TRADE IN SOME OF PVN'S PRODUCTS

Nghiêm Thi Ngoan, Phạm Ba Nam, Nguyễn Thị Ngọc, Tô Minh Hiếu, Đào Minh Phương

Vietnam Petroleum Institute

Email: ngoannt@vpi.pvn.vn

Summary

The Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) was signed on 15 November 2020, after eight years of negotiation. This is the world's largest free trade agreement (FTA) with the participation of 10 ASEAN member countries and 5 other countries including Australia, China, Japan, South Korea and New Zealand. By the end of the roadmap, which lasts 15 to 20 years, Vietnam will eliminate tariffs on about 85.6% - 89.6% tariff lines for partner countries, while the partner countries will eliminate tariffs for Vietnam in the range of 90.7% - 92%. The article compares Vietnam's import taxes with those of other RCEP member countries on imports from Vietnam, and with the tariffs in other FTAs that Vietnam has participated in directly or through ASEAN, with regard to key products of the Vietnam Oil and Gas Group (PVN) and its subsidiaries including petroleum, LPG, PP, Urea, NPK, fibre and yarns. Furthermore, the paper identifies opportunities and challenges for import and export of these products after Vietnam's joining RCEP.

Key words: RCEP, FTA, opportunities, challenges.